

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
HUYỆN TÂY SƠN Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
TỈNH BÌNH ĐỊNH

Bản án số: 176/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 23/7/2024

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂY SƠN, TỈNH BÌNH ĐỊNH

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Minh Trí.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Ánh Sáng.

Ông Tạ Văn Thạnh.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Phạm Thị Hương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Kim Châu Nghĩa – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tây Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 02 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

*- Nguyên đơn:* Bà Cao Thị L, sinh năm 1962

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

*- Bị đơn:* Ông Võ Đức N, sinh năm 1959

Trú tại: Thôn A, xã B, huyện T, tỉnh Bình Định (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện (đơn yêu cầu ly hôn), bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa nguyên đơn bà Cao Thị L trình bày:*

*- Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Võ Đức N quen biết nhau, do tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Được gia đình hai bên chấp nhận về sống chung với nhau từ năm 1993. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào ngày 18/11/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: ông N thường xuyên uống bia rượu đánh đập bà. Bà có khuyên ngăn ông nhiều lần nhưng ông N vẫn không sửa đổi mà vẫn tiếp

tục uống rượu vào đánh đập bà. Vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau từ tháng 08/2022 cho đến nay nên bà yêu cầu được ly hôn với ông **Võ Đức N.**

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên:

+ **Võ Ngọc T**, sinh ngày 24/01/1995, giới tính: Nam.

+ **Võ Ngọc P**, sinh ngày 01/12/2002, giới tính: Nữ.

Con chung **Võ Ngọc P** đã trưởng thành, hiện đang sinh sống trong thành phố Hồ Chí Minh nên bà không yêu cầu giải quyết về con chung này. Còn con chung **Võ Ngọc T** bị khuyết tật tâm thần và đang được hưởng trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng, hiện đang sống với ông **N**. Khi ly hôn, bà yêu cầu ông **N** tiếp tục nuôi dưỡng con chung **Võ Ngọc T** nhưng hiện nay cháu **T** đang nằm bệnh viện nhưng ông **N** không chăm sóc cháu nên bà phải chăm sóc cháu, do đó bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu **T**, yêu cầu ông **N** phải giao lại tiền hưởng trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng cho bà để nuôi cháu **T** và yêu cầu ông **N** phải cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **L** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

*Trong bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại phiên tòa bị đơn ông **Võ Đức N** trình bày:*

- Về quan hệ vợ chồng:

Ông và bà **Cao Thị L** quen biết nhau, do tự tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Được gia đình hai bên chấp nhận chấp nhận về sống với nhau từ năm 1993. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại **UBND xã B, huyện T** vào ngày 18/11/2002. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 29 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên kinh cãi, ông thừa nhận lúc nóng giận, lúc uống rượu bia vào có đánh bà **L** nhiều lần. Vợ chồng thực sự cắt đứt quan hệ, phần ai nấy sống không còn quan tâm đến nhau từ tháng 08/2022 cho đến nay. Nay bà **L** có đơn yêu cầu xin ly hôn ông không đồng ý. Nếu bà **L** kiên quyết ly hôn thì ông yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật.

- Về con chung:

Vợ chồng có 02 con chung:

+ **Võ Ngọc T**, sinh ngày 01/01/1995

+ **Võ Ngọc P**, sinh ngày 01/12/2002.

Con chung **Võ Ngọc P** đã trưởng thành, hiện đang sinh sống trong thành phố Hồ Chí Minh nên ông không yêu cầu giải quyết về con chung này. Còn con chung **Võ Ngọc T** bị khuyết tật tâm thần và đang được hưởng trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng, hiện đang điều trị ở bệnh viện. Khi ly hôn, ông yêu cầu bà **L** nuôi dưỡng con chung **Võ Ngọc T**. Ông không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông **N** không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.



Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tây Sơn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự;

Về nội dung giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 56 và 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Cao Thị L, cho bà Cao Thị L được ly hôn ông Võ Đức N; Về con chung: Giao con chung tên Võ Ngọc T, sinh ngày 01/01/1995 cho bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông N phải cấp dưỡng nuôi cháu T mỗi tháng 1.170.000 đồng kể từ tháng 7/2024. Bà L được nhận tiền trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng do ông N giao lại cho bà L được nhận. Về tài sản chung và nợ chung: Bà L và ông N không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét; Về án phí giải quyết theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Cao Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Võ Đức N, Tòa án thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Cao Thị L và ông Võ Đức N có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện T vào ngày 18/11/2002 đúng theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được 30 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân: Vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên kinh cãi. Ông N thường xuyên uống bia rượu đánh đập bà L nhiều lần. Bà có khuyên ngăn ông nhiều lần nhưng ông N vẫn không sửa đổi. Tại phiên tòa ông N cũng thừa nhận ông uống rượu bia vào có đánh đập bà L. Do không thể nào chung sống với ông N nên tháng 08/2022 bà L đã bỏ đi nơi khác làm ăn sinh sống đến nay. Trong thời gian từ tháng 08/2022 đến nay, ông N không quan tâm, lo lắng hay có thiện chí hàn gắn với bà L, hai vợ chồng cắt đứt quan hệ phần ai nấy sống từ đó đến nay. Tại các buổi làm việc tại Tòa, ông N không đồng ý ly hôn nhưng không có thiện chí hàn gắn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 của luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà L, cho bà L được ly hôn với ông N.

[3] Về con chung: Vợ chồng bà L, ông N có 02 con chung: Võ Ngọc T, sinh ngày 01/01/1995 và Võ Ngọc P, sinh ngày 01/12/2002. Ly hôn, cháu Võ Ngọc P đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết, còn cháu Võ Ngọc T bị khuyết tật tâm thần và đang được hưởng trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng, trước đây cháu ở chung với ông bà nhưng do ông N đánh bà L nhiều lần nên từ tháng 8/2022 bà L đi ở nơi khác thì cháu T ở với ông N, hiện cháu T đang được bà L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại bệnh viện. Tại phiên tòa bà L yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì cháu bị bệnh và yêu cầu được nhận tiền trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng để nuôi cháu T. Ông N đồng ý cháu T do bà L nuôi dưỡng nhưng ông không đồng ý cấp dưỡng nuôi con vì ông không còn khả năng lao động. Ông N cũng đồng ý bà L nhận tiền trợ cấp xã hội là 540.000 đồng/tháng để nuôi con.

HĐXX xét thấy, cháu **Võ Ngọc T** tuy đã trưởng thành nhưng cháu bị bệnh tâm thần mất năng lực hành vi dân sự, hiện cháu đang nằm điều trị tại Bệnh viện tâm thần cần phải có người chăm sóc. Vì vậy, HĐXX chấp nhận yêu cầu của bà **L** giao cháu **T** cho bà **Cao Thị L** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Bà **L** được nhận tiền trợ cấp xã hội mỗi tháng 540.000 đồng/tháng để nuôi cháu **T** do ông **N** giao lại sổ nhận tiền trợ cấp xã hội của cháu **T**.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình: “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con”, do đó buộc ông **N** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Võ Ngọc T** mỗi tháng 1.170.000 đồng kể từ tháng 7/2024.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Cao Thị L** và ông **Võ Đức N** không yêu cầu Tòa giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 7 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án thì bà **Cao Thị L** và ông **Võ Đức N** không phải nộp án phí (Thuộc diện người cao tuổi). Hoàn trả cho bà **Cao Thị L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0003518 ngày 23/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào các Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;*

*Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;*

*Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.*

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Cao Thị L** được ly hôn với ông **Võ Đức N**.
2. Về con chung: Giao cháu **Võ Ngọc T**, sinh ngày 01/01/1995 cho bà **Cao Thị L** trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông **Võ Đức N** phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu **Võ Ngọc T** mỗi tháng 1.170.000 đồng kể từ tháng 7/2024.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bà **Cao Thị L** và ông **Võ Đức N**: Bà **L** được nhận tiền trợ cấp xã hội của cháu **Võ Ngọc T** là 540.000 đồng/tháng do ông **N** giao lại sổ lĩnh tiền trợ cấp xã hội để bà **L** nuôi cháu **T**.



Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng nếu lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Vì lợi ích của con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà **Cao Thị L** và ông **Võ Đức N** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà **Cao Thị L** không phải nộp án phí (Người cao tuổi). Hoàn trả cho bà **Cao Thị L** số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0003518 ngày 23/02/2024 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Tây Sơn thu. Ông **Võ Đức N** không phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con (thuộc diện người cao tuổi).

5. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Định;
- VKSND huyện Tây Sơn;
- Chi cục THA dân sự huyện Tây Sơn;
- UBND Bình Nghi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ  
(Đã ký)**

**Lê Thị Minh Trí**

